

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HS-ST

Ngày 25-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Đức.

Ông Lê Xuân Nghiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 75/2022/TLST-HS, ngày 08 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

Hoàng Văn D (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1983, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C, sinh năm 1941 (đã chết) và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1945; vợ: Lưu Thị X, sinh năm 1983 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc (thời hạn 24 tháng, được giảm 01 tháng) do có hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định số 127/QĐ-UB ngày 23/01/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, chấp hành xong ngày 26/12/2003. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2022 đến nay. Có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Phạm Thanh B, sinh năm 1982. Địa chỉ: Xóm A, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt, có đơn xin xét xử, giải quyết vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử, giải quyết vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử, giải quyết vắng mặt.

4. Anh Nông Thanh B, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn D, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đoàn Xuân H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

2. Chị Chu Thị T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

3. Anh Phạm Văn C, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

4. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn S, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1945. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 9 năm 2022, Hoàng Văn D thấy một số công trình đang xây dựng có để máy trộn bê tông, không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định và thực hiện chiếm đoạt mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 20 giờ ngày 17/9/2022, Hoàng Văn D chuẩn bị 01 chiếc đèn pin và 02 đoạn dây thừng rồi điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 98 M7-0752 từ nhà ra thị trấn H, huyện H. Khi đi đến khu T, thị trấn H, Hoàng Văn D phát hiện ở lề đường C có 01 chiếc máy trộn bê tông màu đỏ, cam, dung tích 380 lít, bánh trước bị mất, có gắn mô tơ (sau này được biết là của anh Phạm Thanh B). Hoàng Văn D đợi đến khoảng 02 giờ sáng ngày 18/9/2022, lúc này đường vắng người qua lại và điều khiển xe đến vị trí của chiếc máy trộn bê tông rồi dùng dây thừng buộc cố định phần đầu của máy trộn vào giá đèn hàng phía sau yên xe, sau đó điều khiển xe máy kéo chiếc máy trộn bê tông đi theo Quốc lộ 1A về hướng tỉnh Bắc Giang để tìm nơi tiêu thụ. Khi đi đến quán thu mua sắt vụn của anh Đoàn Xuân H ở thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang, Hoàng Văn D đợi đến khoảng 06 giờ sáng ngày 18/9/2022, khi anh Đoàn Xuân H mở cửa hàng thì bán chiếc máy trộn bê tông với giá 1.550.000 đồng.

Cũng với cách thức thực hiện như vụ thứ nhất, Hoàng Văn D đã thực hiện trộm cắp thêm 03 vụ nữa như sau:

Vụ thứ hai: Khoảng 02 giờ ngày 21/9/2022, tại thôn C, xã M, huyện H, Hoàng Văn D đã trộm cắp chiếc máy trộn bê tông màu đỏ, cam loại dung tích 380 lít, có gắn mô tơ của anh Nguyễn Văn T để ở trước quán bán hàng của bà Nguyễn

Thị Minh L rồi mang đến quán thu mua sắt vụn của bà Chu Thị T ở thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang bán được 1.400.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 02 giờ ngày 22/9/2022, Hoàng Văn D trộm cắp chiếc máy trộn bê tông màu đỏ, cam loại dung tích 380 lít, có gắn mô tơ của anh Nguyễn Văn T1 để ở công trình tại thôn R, xã Đ, huyện H, sau đó tiếp tục đem bán cho bà Chu Thị T được 1.300.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 02 giờ ngày 24/9/2022, Hoàng Văn D trộm cắp chiếc máy trộn bê tông màu xanh loại dung tích 280 lít, không có mô tơ của anh Nông Thanh B để ở trước cửa nhà tại thôn D, xã S, huyện H, sau đó mang đến quán thu mua sắt vụn của anh Phạm Văn C ở thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang bán được 1.040.000 đồng.

Sau khi phát hiện tài sản bị trộm cắp, anh Nông Thanh B đã tìm và mua lại chiếc máy trộn bê tông bị Hoàng Văn D trộm cắp với giá 1.400.000 đồng; mang về sửa chữa mất 370.000 đồng, tổng thiệt hại 1.770.000 đồng. Ngày 18/9/2022, anh Đoàn Xuân H tự nguyện giao nộp chiếc máy trộn bê tông đã mua cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng.

Toàn bộ số tiền bán tài sản trộm cắp có được, Hoàng Văn D đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Ngày 03/10/2022, Hoàng Văn D đến Công an huyện Hữu Lũng đầu thú về hành vi phạm tội của bản thân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐĐGTS ngày 05/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hữu Lũng kết luận 04 chiếc máy trộn bê tông do Hoàng Văn D trộm cắp có tổng trị giá 11.470.000 đồng, trong đó: Chiếc máy của anh Phạm Thanh B là 3.600.000 đồng, của anh Nguyễn Văn T là 2.400.000 đồng, của anh Nguyễn Văn T1 là 2.870.000 đồng, của anh Nông Thanh B là 2.600.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án đã tạm giữ: 01 chiếc máy trộn bê tông của anh Phạm Thanh B bị Hoàng Văn D trộm cắp ngày 18/9/2022; 01 chiếc đèn pin, 02 đoạn dây thừng; 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98M7-0752 của anh Phạm Văn H.

Tại bản Cáo trạng số 72/CT-VKS ngày 07 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Hoàng Văn D về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố và nhất trí bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của anh Nông Thanh B số tiền 1.770.000 đồng, anh Nguyễn Văn T số tiền 2.400.000 đồng, anh Nguyễn Văn T1 số tiền 2.870.000 đồng và anh Đoàn Xuân H số tiền 1.550.000 đồng; tuy nhiên do bị cáo hiện không có tài sản riêng và gia cảnh khó khăn nên chỉ có thể bồi hoàn cho các bị hại sau khi chấp hành án xong, quay trở về lao động chân chính.

Bị hại anh Nông Thanh B xác nhận lời khai của bị cáo đúng thực tế và tự nguyện chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.770.000 đồng (trong đó tiền mua lại máy là 1.400.000 đồng và tiền sửa máy là 370.000 đồng). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Xuân H xác nhận đã được anh Phạm Thanh B đưa cho 300.000 đồng tiền lấy lại máy trộn và thấy bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền đã mua máy trộn còn thiếu.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn D phạm tội Trộm cắp tài sản, xử phạt bị cáo tù 18 tháng đến 24 tháng tù. Không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo do không có tài sản riêng.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng đề nghị tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc đèn pin, 02 đoạn dây thừng là công cụ phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Hoàng Văn D bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 2.400.000 đồng, cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 2.870.000 đồng. Công nhận sự thỏa thuận về việc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho anh Nông Thanh B số tiền 1.770.000 đồng. Anh Đoàn Xuân H không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin lỗi Đảng và nhà nước vì đã vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng đã thực hiện là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại đối với quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại anh Phạm Thanh B, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1 có đơn xin xét xử, giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Chu Thị T, anh Phạm Văn C, anh Phạm Văn H và người làm

chứng bà Đỗ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Những người vắng mặt đều đã có đầy đủ lời khai, yêu cầu đề nghị trong hồ sơ vụ án; việc xét xử vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ các Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên, Tòa án sẽ thực hiện việc tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án, đảm bảo cho họ thực hiện quyền kháng cáo theo đúng quy định.

[3] Lời khai nhận hành vi của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, người liên quan, đồng thời hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập hợp pháp và đã thẩm tra tại phiên tòa. Đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 18/9/2022 đến 24/9/2022, Hoàng Văn D thấy một số công trình xây dựng dân sinh trên địa bàn huyện H đề máy trộn bê tông ngay gần đường, không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hoàng Văn D đã 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp 04 chiếc máy trộn bê tông, trong đó chiếc máy của anh Phạm Thanh B trị giá 3.600.000 đồng, anh Nguyễn Văn T 2.400.000 đồng, anh Nguyễn Văn T1 2.870.000 đồng và anh Nông Thanh B 2.600.000 đồng.

[4] Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng không lao động chân chính mà đã thực hiện hành vi, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu, nhiều lần lén lút chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị 11.470.000 đồng với lỗi cố ý trực tiếp, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự và sự hoang mang, lo lắng đối với các chủ thầu xây dựng trên địa bàn.

[5] Đảm bảo căn cứ kết luận Hoàng Văn D đã phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Để xem xét quyết định hình phạt, ngoài việc đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của các hành vi phạm tội nêu trên thì cần phải xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt, cụ thể:

[7] Về nhân thân: Từ năm 2003, bị cáo đã có quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc về hành vi trộm cắp tài sản; mặc dù đã chấp hành xong nhưng bị cáo không lấy đó là bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm cùng loại tội thể hiện thái độ coi thường, bất chấp pháp luật. Bản thân bị cáo đã ly hôn với vợ và hiện đang ở cùng mẹ già và em trai bị bệnh nhưng không chí thú làm ăn, lười lao động.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 04 lần, tại thời gian, địa điểm khác nhau và giá trị tài sản mỗi lần chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, ăn năn

hồi cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, biết không thể trốn tránh nên đã đến Công an huyện Hữu Lũng đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[10] Hình phạt chính: Hoàng Văn D nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản mang bán lấy tiền tiêu xài là vi phạm quy định của pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi trộm cắp 04 lần, liên tục trong thời gian ngắn với nhiều bị hại, tại nhiều nơi và địa điểm khác nhau. Tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm, gây nguy hại cho xã hội trong khi bị cáo có một tình tiết tăng nặng và chỉ có hai tình tiết giảm nhẹ; Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một khoảng thời gian dài nhất định, áp dụng trên mức khởi điểm của khung hình phạt đối với tội danh, đủ thời gian để bị cáo lao động, cải tạo, rèn luyện tu dưỡng bản thân trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[11] Hình phạt bổ sung: Tại Biên bản xác minh ngày 19/10/2022, thể hiện Hoàng Văn D không có tài sản riêng, gia đình thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt tiền do không khả thi trong công tác thi hành án.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, sau khi Hội đồng xét xử tiến hành hòa giải, Hoàng Văn D đã thỏa thuận, thống nhất trách nhiệm bồi thường cho bị hại anh Nông Thanh B số tiền 1.770.000 đồng theo yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận. Xác định số tiền anh Đoàn Xuân H đã thu mua chiếc máy trộn bê tông là 1.550.000 đồng nhưng đã được anh Phạm Thanh B trả 300.000 đồng khi nhận lại tài sản; tại phiên tòa, do xác định gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, eo le nên anh Đoàn Xuân H tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 1.250.000 đồng – đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên cần được tôn trọng và ghi nhận theo quy định của Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[13] Buộc Hoàng Văn D có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho anh Nguyễn Văn T số tiền 2.400.000 đồng và anh Nguyễn Văn T1 số tiền 2.870.000 đồng tương ứng yêu cầu của các bị hại và phù hợp với bản kết luận định giá tài sản bị chiếm đoạt. Đối với việc anh Phạm Thanh B đã trả cho anh Đoàn Xuân H 300.000 đồng để lấy lại máy trộn nhưng không có yêu cầu bồi thường dân sự và đã được nhận lại tài sản, nên không xem xét giải quyết.

[14] Về vật chứng: Căn cứ quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc đèn pin, 02 đoạn dây thừng là công cụ bị cáo sử dụng để phạm tội và không còn giá trị sử dụng. Tại giai đoạn điều tra, Công an huyện Hữu Lũng đã trả lại 01 chiếc máy trộn bê tông cho chủ sở hữu là anh Phạm Thanh B (theo biên bản giao nhận ngày 06/10/2022) và trả lại cho anh Phạm Văn H 01 chiếc xe mô tô (theo biên bản giao nhận ngày 01/11/2022) mà bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nhưng chủ sở hữu ngay tình (bị cáo mượn sử dụng làm phương tiện đi lại do là người quen cùng nơi cư trú).

[15] Con người, sự việc liên quan: Đối với anh Đoàn Xuân H, bà Chu Thị T và anh Phạm Văn C là những người mua máy trộn bê tông do bị cáo Hoàng Văn D trộm cắp được, tuy nhiên không biết đây là tài sản do phạm tội mà có vì khi mua họ đều đã hỏi nguồn gốc và bị cáo nói dối là tài sản của mình nhưng bị hỏng hoặc không sử dụng nữa nên mang đi bán sắt vụn, do đó không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự. Đối với chiếc máy trộn bê tông của anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Văn T1 do bị cáo trộm cắp bán cho bà Chu Thị T, sau đó đã bán cho người khác, không rõ họ tên, địa chỉ; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng đã ra thông báo truy tìm vật chứng, nhưng hiện chưa có kết quả nên không có căn cứ xem xét, giải quyết trong cùng vụ án.

[16] Quan điểm đề nghị luận tội của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị trong lời nói sau cùng của bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình nghị án và cân nhắc khi quyết định hình phạt.

[17] Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch tương ứng số tiền phải bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[18] Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (01 tình tiết); điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106, Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn D phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 03/10/2022.

3. Nghĩa vụ dân sự:

3.1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn D có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho bị hại anh Nông Thanh B số tiền 1.770.000đ (một triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

3.2. Buộc bị cáo Hoàng Văn D có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho bị hại anh Nguyễn Văn T số tiền 2.400.000đ (hai triệu, bốn trăm nghìn đồng) và bị hại anh Nguyễn Văn T1 số tiền 2.870.000đ (hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà bên được thi hành (các bị hại) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành (bị cáo Hoàng Văn D) không chịu trả hoặc chậm trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền phải thi hành theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, trường hợp không thỏa thuận được và có tranh chấp thì được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3.3. Ghi nhận việc tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Xuân H tự nguyện không yêu cầu bị cáo Hoàng Văn D phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả trị giá tài sản bị xâm phạm, số tiền 1.250.000đ (một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) chiếc đèn pin, trên thân có dòng chữ “Công ty thiết bị điện G8”; 02 (hai) đoạn dây thừng gồm 01 (một) đoạn dài 04m, 01 (một) đoạn dài 4,5m.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Hữu Lũng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H ngày 08/11/2022).

5. Án phí: Buộc bị cáo Hoàng Văn D phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 352.000đ (ba trăm năm mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Công an huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo.....;
- Bị hại.....;
- Người có QL&NV liên quan.....;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường